TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2021
"Về việc *tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Lương;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Long- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang P, sinh năm 1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ hiện nay: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang P đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã xã G, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Năm 2018, anh P đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Quang P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2021, chị Trần Thị M (chị ruột của anh Trần Quang P) có ý kiến: Chị T là em dâu của chị M, năm 2018 anh P đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay chưa về, thỉnh thoảng có điện thoại bằng zalo về hỏi thăm tình hình sức khỏe gia đình nhưng địa chỉ anh P ở đâu thì gia đình không biết. Do bố anh P đã mất, mẹ thì ốm nặng, tinh thần không tốt nên chị Mùi là chị gái cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh P được biết. Còn chị T yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị T và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Quang P.

+ Về con chung: Không có.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang P khi anh P đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị T và gia đình anh P không cung cấp được địa chỉ của anh P tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của anh P vẫn thường xuyên liên lạc với anh P qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội Zalo, gia đình anh P nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo nội dung cho anh P nhưng anh P không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham

gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Quang P đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh P.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang P trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm đến năm 2018 thì anh P đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T kiên quyết ly hôn, anh P không liên lạc với chị T để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện, mâu thuẫn giữa chị T và anh P không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh P không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 469, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Quang P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000857 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Gio Việt, Gio Linh;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương